**TRƯỜNG THPT BÌNH CHÁNH : MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ II (2023-2024)**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **Phân môn Địa lí 11** |
| **1** | **A. ĐỊA LÍ DÂN CƯ**  | **A.1.** Cơ cấu dân số  | 4 |  |  | 1\*(a,b) |  | a\* |  |  |  |
| **A.2.** Phân bố dân cư và đô thị hoá | 6 |  |  | 1\*(a,b) |  | a\* |  |  |  |
| **2** |  **B.** **NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ** | **B.1.** Nguồn lực phát triển kinh tế | 4 |  |  | 1\*(a,b) |  | a\* |  | b\* |  |
| **B.2.** Cơ cấu kinh tế, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế | 2 |  |  |  |  |  a\* |  |  |  |
| **Tổng số câu** | 16 |  |  | 1 (a,b) |  | 1 (a\*) |  |  1 (b)\* |  |
| **Tổng hợp chung** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |  |

**TRƯỜNG THPT BÌNH CHÁNH : BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ II (2023-2024)**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | **A.ĐỊA LÍ DÂN CƯ** | **A1.** Cơ cấu dân số | **Nhận biết**– Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá).**Thông hiểu**– So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu.**Vận dụng**– Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu).– Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích. |  4 | 1\*(a,b) |  a\* |  |
|  **A.2.** Phân bố dân cư và đô thị hoá | **Nhận biết**– Trình bày được khái niệm phân bố dân cư và đô thị hoá.**Thông hiểu**– Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư.– Phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.**Vận dụng**– Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu. |  6 | 1\*(a,b) | a\* |  |
| 2 | **B.NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ** | **B.1.** Nguồn lực phát triển kinh tế | **Nhận biết**– Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực. **Thông hiểu**– Phân tích được sơ đồ nguồn lực phát triển kinh tế.– Phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế.**Vận dụng**– Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét …**Vận dụng cao**– Liên hệ được một số nguồn lực phát triển kinh tế ở địa phương. | 4 | 1\*(a,b) | a\* | b\* |
|  |  | **B 2**. Cơ cấu kinh tế, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế | **Nhận biết**– Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế; **Thông hiểu**– Phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.– So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người.**Vận dụng**– Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét … | 2 |  | a\* |  |
| Số câu/ loại câu |  | 16 câu TNKQ | 1 câu TL (a; b)  | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| **Tổng hợp chung** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |